

UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÚNG VƯƠNG

**CÔNG KHAI NGÂN SÁCH
6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc công khai thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của

Trường Tiểu học Trung Vương”

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học được quy định trong Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào bảng đối chiếu ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của trường TH Trung Vương;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của trường Tiểu học Trung Vương (kèm theo biểu số 03)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, kế toán và toàn thể giáo viên trong nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Norinhận:

- Như điều 3

- Lưu :VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đào Thị Bích Thủy

BIÊN BẢN

“Về việc niêm yết công khai ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của trường tiểu học Trung Vương”

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Quyết định số 25/QĐ- PGD&ĐT ngày 05/01/2024 về việc giao dự toán thu-chi năm 2024”.

Căn cứ vào bảng đối chiếu ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của Trường TH Trung Vương.

Căn cứ Quyết định số 09 /QĐ-THTV ngày 06/01/2025 của hiệu trưởng Trường Tiểu học Trung Vương;

Hôm nay, vào hồi 8h00' ngày 06/01/2025 tại phòng họp của trường Tiểu học Trung Vương

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, CC, VC, NV của trường tiểu học Trung Vương: 41 người
- Chủ trì: Đào Thị Bích Thủy - Chức vụ: Hiệu Trưởng
- Đại diện Tổ Công Đoàn: Nguyễn Thị Thu Hà- Chức vụ: CTCD
- Người ghi biên bản: Nguyễn Thùy Dương - Chức vụ: Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của Trường tiểu Học Trung Vương (kèm theo biểu số 03).

2.2. Thời gian niêm yết: kể từ ngày 06/01/2025 đến hết ngày 06/04/2025.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại Bảng thông báo, trang Web của Trường tiểu học Trung Vương- phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai báo cáo ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của Trường tiểu học Trung Vương đề nghị gửi kiến nghị về trường tiểu Trung Vương (qua đ/c Nguyễn Thùy Dương - Chức vụ: Thư ký) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường Tiểu Học Trung Vương thực hiện việc bảo đảm an toàn nội dung công khai ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 của trường tiểu học Trung Vương từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 10h00' ngày 06/01/2025 niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại nhà trường/

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
TRUNG VƯƠNG
Đào Thị Bích Thủy

CHỦ TỊCH CÔNG
ĐOÀN
B.C.H
CÔNG ĐOÀN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRUNG VƯƠNG
Nguyễn Thị Thu Hà

THƯ KÝ

Nguyễn Thùy Dương

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương
Mã ĐVQHNS: 1067391
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Từ ngày 01/6/2024 đến ngày 31/12/2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12				287.000.000	200.650.818	616.770.818	616.770.818	318.497.365	506.652.183				110.118.635
	072			287.000.000	200.650.818	616.770.818	616.770.818	318.497.365	506.652.183				110.118.635
				287.000.000	200.650.818	616.770.818	616.770.818	318.497.365	506.652.183				110.118.635
13				7.665.260.000	904.950.000	8.570.210.000	8.570.210.000	5.431.593.094	8.496.905.000				73.305.000
	072			7.665.260.000	904.950.000	8.570.210.000	8.570.210.000	5.431.593.094	8.496.905.000				73.305.000
				7.665.260.000	904.950.000	8.570.210.000	8.570.210.000	5.431.593.094	8.496.905.000				73.305.000
18					212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000				
	072				212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000				
					212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000				
28												73.305.000	
	072											73.305.000	
												73.305.000	
Cộng:				7.952.260.000	1.317.625.818	9.399.005.818	9.399.005.818	5.962.115.459	9.215.582.183			73.305.000	183.423.635
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Nền

Đào Thị Bích Thủy



Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương
Mã ĐVQHNS: 1067391
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Từ ngày 01/6/2024 đến ngày 31/12/2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	12				(11.250.000)		329.747.365	506.652.183	318.497.365	506.652.183
Giáo dục tiểu học		072			(11.250.000)		329.747.365	506.652.183	318.497.365	506.652.183
Phụ cấp lương			6100				155.767.248	290.594.066	155.767.248	290.594.066
Phụ cấp khác			6149				155.767.248	290.594.066	155.767.248	290.594.066
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			6150		(11.250.000)		18.450.000	18.450.000	7.200.000	18.450.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157		(11.250.000)		18.450.000	18.450.000	7.200.000	18.450.000
Thanh toán dịch vụ công cộng			6500				10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Tiền điện			6501				10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Vật tư văn phòng			6550				61.288.000	61.288.000	61.288.000	61.288.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			6552				50.191.000	50.191.000	50.191.000	50.191.000
Vật tư văn phòng khác			6599				11.097.000	11.097.000	11.097.000	11.097.000
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				21.655.617	21.655.617	21.655.617	21.655.617
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			6605				8.698.067	8.698.067	8.698.067	8.698.067
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện			6608				12.957.550	12.957.550	12.957.550	12.957.550
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			6900				30.890.000	30.890.000	30.890.000	30.890.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				30.890.000	30.890.000	30.890.000	30.890.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000				27.838.000	35.920.000	27.838.000	35.920.000
Chi khác			7049				27.838.000	35.920.000	27.838.000	35.920.000
Chi khác			7750				3.858.500	37.854.500	3.858.500	37.854.500
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện			7757				3.858.500	3.858.500	3.858.500	3.858.500

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Chi các khoản khác			7799					33.996.000		33.996.000
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	13						5.431.593.094	8.496.905.000	5.431.593.094	8.496.905.000
Giáo dục tiểu học		072					5.431.593.094	8.496.905.000	5.431.593.094	8.496.905.000
Tiền lương			6000				2.411.882.997	3.734.517.353	2.411.882.997	3.734.517.353
Lương theo ngạch, bậc			6001				2.411.882.997	3.734.517.353	2.411.882.997	3.734.517.353
Phụ cấp lương			6100				1.246.829.364	1.927.795.856	1.246.829.364	1.927.795.856
Phụ cấp chức vụ			6101				34.668.000	53.568.000	34.668.000	53.568.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ			6105				1.072.961	7.144.933	1.072.961	7.144.933
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm			6107				3.168.000	4.968.000	3.168.000	4.968.000
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				814.265.010	1.258.998.210	814.265.010	1.258.998.210
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				4.752.000	7.452.000	4.752.000	7.452.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				388.903.393	595.664.713	388.903.393	595.664.713
Tiền thưởng			6200				21.300.000	21.300.000	21.300.000	21.300.000
Thưởng thường xuyên			6201				21.300.000	21.300.000	21.300.000	21.300.000
Phúc lợi tập thể			6250				26.070.000	32.480.000	26.070.000	32.480.000
Tiền y tế trong các cơ quan, đơn vị			6254				13.240.000	13.240.000	13.240.000	13.240.000
Chi khác			6299				12.830.000	19.240.000	12.830.000	19.240.000
Các khoản đóng góp			6300				668.910.982	1.046.746.692	668.910.982	1.046.746.692
Bảo hiểm xã hội			6301				497.078.120	773.184.151	497.078.120	773.184.151
Bảo hiểm y tế			6302				86.519.632	140.399.333	86.519.632	140.399.333
Kinh phí công đoàn			6303				56.709.090	87.777.835	56.709.090	87.777.835
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				28.604.140	45.385.373	28.604.140	45.385.373
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân			6400				430.089.826	444.669.826	430.089.826	444.669.826
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			6404				413.967.226	413.967.226	413.967.226	413.967.226

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trung Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Chi khác			6449				16.122.600	30.702.600	16.122.600	30.702.600
Thanh toán dịch vụ công cộng			6500				60.337.640	92.544.427	60.337.640	92.544.427
Tiền điện			6501				44.860.760	63.195.057	44.860.760	63.195.057
Tiền nước			6502				11.876.880	25.749.370	11.876.880	25.749.370
Tiền vệ sinh, môi trường			6504				3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Vật tư văn phòng			6550				108.673.200	145.193.200	108.673.200	145.193.200
Văn phòng phẩm			6551				20.945.000	20.945.000	20.945.000	20.945.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			6552				46.724.200	63.140.200	46.724.200	63.140.200
Khoản văn phòng phẩm			6553				8.750.000	8.750.000	8.750.000	8.750.000
Vật tư văn phòng khác			6599				32.254.000	52.358.000	32.254.000	52.358.000
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				1.706.833	7.942.034	1.706.833	7.942.034
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			6605				1.706.833	3.667.134	1.706.833	3.667.134
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện			6608					4.274.900		4.274.900
Hội nghị			6650				9.555.000	9.555.000	9.555.000	9.555.000
Chi phí khác			6699				9.555.000	9.555.000	9.555.000	9.555.000
Công tác phí			6700				13.650.000	13.750.000	13.650.000	13.750.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe			6701				2.600.000	2.700.000	2.600.000	2.700.000
Phụ cấp công tác phí			6702				1.450.000	1.450.000	1.450.000	1.450.000
Tiền thuê phòng ngủ			6703				3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Khoản công tác phí			6704				6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Chi phí thuê mướn			6750				123.369.600	202.617.600	123.369.600	202.617.600
Thuê lao động trong nước			6757				123.369.600	202.617.600	123.369.600	202.617.600

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			6900				24.890.000	66.452.080	24.890.000	66.452.080
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				12.090.000	15.090.000	12.090.000	15.090.000
Tài sản và thiết bị văn phòng			6913				12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000
Đường điện, cấp thoát nước			6921					27.405.000		27.405.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949					11.157.080		11.157.080
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000				170.810.500	545.772.500	170.810.500	545.772.500
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động			7004				4.000.000	13.940.000	4.000.000	13.940.000
Chi khác			7049				166.810.500	531.832.500	166.810.500	531.832.500
Mua sắm tài sản vô hình			7050				6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			7053				6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Chi khác			7750				107.517.152	199.568.432	107.517.152	199.568.432
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện			7757				(3.858.500)		(3.858.500)	
Chi các khoản khác			7799				111.375.652	199.568.432	111.375.652	199.568.432
Nguồn Tiền thưởng theo NĐ73	18						212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Giáo dục tiểu học		072					212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Tiền thưởng			6200				212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Thưởng thường xuyên			6201				212.025.000	212.025.000	212.025.000	212.025.000
Cộng:					(11.250.000)		5.973.365.459	9.215.582.183	5.962.115.459	9.215.582.183
Phần ĐVSDNS ghi:										

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Trưng Vương

Mã ĐVQHNS: 1067391

Mã cấp NS: 3

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần ĐVSDNS ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Nền



Đào Thị Bích Thủy